TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2020
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan T C, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T H, xã Lý V L, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Hà N P, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan T C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà N P chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do xuất phát từ vấn đề tiền bạc, anh P không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Hà M K, sinh năm 1992 và Hà G N, sinh năm 1994. Các con chung hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Đối với bị đơn anh Hà N P: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hà N P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan T C xác định, chị và anh Hà N P chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị chị C và anh P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật. Nay chị C yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận chị C và anh P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Hà M K, sinh năm 1992 và Hà G N, sinh năm 1994. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan T C và anh Hà N P là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định không có.

4. Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 23/4/2020 chị C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001679 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang